

NỘI DUNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CBC CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
(Phần : Triết học Mác – Lênin)

1. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất, đây là quan điểm nào?
 - a. Duy vật.
 - b. Duy tâm chủ quan.
 - c. Duy tâm.**
 - d. Nhị nguyên.
2. Ý thức, cảm giác con người sinh ra và quyết định sự tồn tại của các sự vật. Quan điểm này mang tính chất gì?
 - a. Duy tâm chủ quan.**
 - b. Duy tâm.
 - c. Duy tâm khách quan.
 - d. Duy vật.
3. Ý thức, ý niệm tuyệt đối sinh ra thế giới, đây là quan điểm gì?
 - a. Duy vật.
 - b. Duy tâm chủ quan.
 - c. Duy tâm.
 - d. Duy tâm khách quan.**
4. Ph. Ăngghen viết: “Các hình thức tồn tại cơ bản của vật chất là không gian và thời gian. Và vật chất tồn tại ngoài thời gian cũng hoàn toàn... như tồn tại ngoài không gian”. Hãy chọn từ thích hợp dưới đây điền vào dấu... để hoàn thiện quan điểm trên.
 - a. Vô nghĩa.
 - b. Vô tận.
 - c. Vô lý.**
 - d. Vô hạn.
5. Theo quan niệm triết học Mác-Lênin, tính thống nhất của thế giới là gì?
 - a. Tính hiện thực.
 - b. Tính vật chất.**
 - c. Tính tồn tại.
 - d. Tính khách quan.
6. Hãy sắp xếp theo trình tự xuất hiện từ sớm nhất đến muộn nhất các hình thức thế giới quan sau:
 - a. Tôn giáo - thần thoại - triết học.
 - b. Thần thoại - tôn giáo - triết học.**
 - c. Triết học - tôn giáo - thần thoại.
 - d. Thần thoại - triết học - tôn giáo.
7. Triết học nghiên cứu thế giới như thế nào?
 - a. Như một đối tượng vật chất cụ thể
 - b. Như một hệ đối tượng vật chất nhất định
 - c. Như một chỉnh thể thống nhất.**
 - d. Các phương án trên đều đúng
8. Triết học là gì?
 - a. Triết học là tri thức về thế giới tự nhiên.
 - b. Triết học là tri thức về tự nhiên và xã hội.
 - c. Triết học là tri thức lý luận về con người về vật chất.
 - d. Triết học là hệ thống lý luận chung nhất của con người về thế giới và vị trí con**

người trong thế giới.

9. Triết học **ra đời trong điều kiện** nào?
- Xã hội phân chia thành giai cấp.
 - Xuất hiện tầng lớp lao động trí óc.
 - Tư duy của con người đạt trình độ tư duy khái quát cao và xuất hiện tầng lớp lao động trí thức.**
 - Xuất hiện giai cấp tư sản.
10. **Thời kỳ phục hưng** là thời kỳ quá độ từ hình thái kinh tế xã hội nào sang hình thái kinh tế-xã hội nào?
- Từ hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ sang hình thái kinh tế - xã hội phong kiến.
 - Từ hình thái kinh tế - xã hội phong kiến sang hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.**
 - Từ hình thái kinh tế - xã hội TBCN sang hình thái kinh tế - xã hội XHCN.
 - Từ hình thái kinh tế - xã hội CSNT hình thái kinh tế - xã hội XHCN.
11. Những nhà triết học nào **xem thường kinh nghiệm, xa rời cuộc sống**?
- Chủ nghĩa kinh nghiệm
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa kinh viện**
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình
12. Khẳng định nào sau đây là đúng:
- Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy vật
 - Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tự phát
 - Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy tâm khách quan**
 - Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng tiên nghiệm chủ quan
13. Theo **Hêghen** **khởi nguyên của thế giới** là gì?
- Nguyên tử
 - Không khí
 - Ý niệm tuyệt đối**
 - Vật chất không xác định
14. Trong số những nhà triết học sau đây, ai là người **trình bày toàn bộ giới tự nhiên, lịch sử, và tư duy trong sự vận động, biến đổi và phát triển?**
- Đềcátơ
 - Hêghen**
 - Cantơ
 - Phoiơbắc
15. Luận điểm sau đây là của ai: **"Cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý thì tồn tại".**
- Arixtôt
 - Cantơ
 - Hêghen**
 - Phoiơbắc
16. C.Mác chỉ ra đâu là **hạt nhân hợp lý trong triết học của Hêghen**
- Chủ nghĩa duy vật
 - Chủ nghĩa duy tâm
 - Phép biện chứng như lý luận về sự phát triển**
 - Tư tưởng về vận động
17. **Phoiơbắc** là nhà triết học theo trường phái nào?
- Chủ nghĩa duy tâm khách quan

- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
 - c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình**
18. Ông cho rằng: **con người sáng tạo ra thượng đế**, bản tính con người là tình yêu, tôn giáo cũng là một tình yêu. Ông là ai?
- a. Cantor
 - b. Hêghen
 - c. Phoiơbắc**
 - d. Đidrô
19. **Ưu điểm** lớn nhất của **triết học cổ điển Đức** là gì?
- a. Phát triển tư tưởng duy vật về thế giới của thế kỷ XVII – XVIII
 - b. Khắc phục triệt để quan điểm siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ
 - c. Phát triển tư tưởng biện chứng đạt trình độ một hệ thống lý luận**
 - d. Phê phán quan điểm tôn giáo về thế giới
20. **Triết học Mác ra đời** vào thời gian nào?
- a. Những năm 20 của thế kỷ XIX
 - b. Những năm 30 của thế kỷ XIX
 - c. Những năm 40 của thế kỷ XIX**
 - d. Những năm 50 của thế kỷ XIX
21. **Triết học Mác - Lênin** do ai sáng lập và phát triển?
- a. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin**
 - b. C.Mác và Ph.ăngghen
 - c. V.I.Lênin
 - d. Ph.Ăngghen
22. **Điều kiện kinh tế xã hội cho sự ra đời của triết học Mác - Lênin?**
- a. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố và phát triển
 - b. Giai cấp vô sản ra đời và trở thành lực lượng chính trị - xã hội độc lập
 - c. Trình độ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật phát triển
 - d. Cả a, b, c đều đúng**
23. Khẳng định nào sau đây là sai?
- a. Triết học Mác là sự lắp ghép phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc**
 - b. Triết học Mác có sự thống nhất giữa phương pháp biện chứng và thế giới quan duy vật
 - c. Triết học Mác kế thừa và cải tạo phép biện chứng của Hêghen trên cơ sở duy vật
 - d. Triết học Mác ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử tư tưởng của nhân loại
24. **Ba phát minh lớn nhất của khoa học tự nhiên** làm cơ sở khoa học tự nhiên cho sự ra đời tư duy biện chứng duy vật đầu thế kỷ XIX là những phát minh nào?
- a. Thuyết mặt trời làm trung tâm vũ trụ của Côpecních, 2) định luật bảo toàn khối lượng của Lômônôxốp, 3) Học thuyết tế bào
 - b. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, 2) Học thuyết tế bào, 3) Học thuyết tiến hóa của Đácuyyn**
 - c. Phát hiện ra nguyên tử, 2) Phát hiện ra điện tử, 3) Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
 - d. Phát hiện ra nguyên tử, 2) Phát hiện ra điện tử 3) Học thuyết tế bào
25. **Phát minh** nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX **vạch ra nguồn gốc tự nhiên của con người**, chống lại quan điểm tôn giáo?
- a. Học thuyết tế bào

- b. **Học thuyết tiến hóa**
 c. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
 d. Thuyết duy nghiệm
26. **Phát minh** nào trong khoa học tự nhiên nửa đầu thế kỷ XIX **vạch ra sự thống nhất giữa thế giới động vật và thực vật?**
 a. **Học thuyết tế bào**
 b. Học thuyết tiến hóa
 c. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
 d. Thuyết duy lý
27. **Tác phẩm** nào của **C.Mác và Ph.Ăngghen** đánh dấu sự hoàn thành về cơ bản triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung?
 a. Hệ tư tưởng Đức
 b. **Tuyên ngôn của Đảng cộng sản**
 c. Luận cương về Phoibắc
 d. Gia đình thần thánh
28. **Thực chất bước chuyển cách mạng trong triết học** do **C.Mác và Ph.Ăngghen** thực hiện là nội dung nào sau đây?
 a. **Thống nhất giữa thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong một hệ thống triết học**
 b. Thống nhất giữa triết học của Hêghen và triết học của Phoibắc
 c. Phê phán triết học duy tâm của Hêghen
 d. Khái quát các thành tựu triết học trước đó
29. **V.I.Lênin bổ sung và phát triển** triết học Mác trong **hoàn cảnh** nào?
 a. Chủ nghĩa tư bản thế giới chưa ra đời
 b. **Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời**
 c. Chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh
 d. Chủ nghĩa tư bản lụi tàn
30. **Sự khác nhau căn bản** giữa **chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm** về **sự thống nhất của thế giới** là ở cái gì?
 a. Thừa nhận tính tồn tại của thế giới
 b. **Thừa nhận tính vật chất của thế giới**
 c. Không thừa nhận tính tồn tại của thế giới
 d. Không thừa nhận tính vật chất của thế giới
31. **Mâu thuẫn** nổi lên hàng đầu trong mỗi thời kỳ, **mỗi giai đoạn** của **quá trình phát triển của sự vật** được gọi là gì?
 a. Mâu thuẫn bên trong
 b. Mâu thuẫn bên ngoài
 c. **Mâu thuẫn chủ yếu**
 d. Mâu thuẫn cơ bản
32. **Loại mâu thuẫn** nào thể hiện **đặc trưng** của mâu thuẫn **giai cấp**?
 a. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài
 b. **Mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng**
 c. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu
 d. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản
33. **Chủ nghĩa duy tâm** **tìm nguồn gốc** của sự thống nhất của thế giới ở cái gì?
 a. Ở tính vật chất của thế giới
 b. **Ở ý niệm tuyệt đối hoặc ở ý thức của con người**
 c. Ở sự vận động và chuyển hóa lẫn nhau của thế giới

d. Ở vật chất

34. Trường phái triết học nào phủ nhận sự tồn tại một thế giới duy nhất là thế giới vật chất?
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII
 - Chủ nghĩa duy tâm**
 - Chủ nghĩa duy ngã
35. Cho rằng có thế giới tinh thần tồn tại độc lập bên cạnh thế giới vật chất sẽ rơi vào quan điểm triết học nào?
- Chủ nghĩa duy tâm**
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - Chủ nghĩa hiện sinh
36. Nhà triết học nào cho nước là thực thể đầu tiên của thế giới và quan điểm đó thuộc lập trường triết học nào?
- Talét – Chủ nghĩa duy vật tự phát**
 - Điđrô – Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Béccoli – Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
 - Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
37. Nhà triết học nào coi lửa là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?
- Đemôcrit – Chủ nghĩa duy vật tự phát
 - Hêraclít – Chủ nghĩa duy vật tự phát**
 - Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
 - Anaximên – Chủ nghĩa duy vật tự phát
38. Nhà triết học nào cho nguyên tử và khoảng không là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?
- Đemôcrit – Chủ nghĩa duy vật tự phát**
 - Hêraclít – Chủ nghĩa duy vật tự phát
 - Platôn – Chủ nghĩa duy tâm khách quan
 - Arixtôt – Chủ nghĩa duy vật tự phát
39. Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử – một phân tử vật chất nhỏ nhất, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?
- Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII – XVIII**
 - Chủ nghĩa duy vật tự phát
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng
 - Chủ nghĩa duy tâm
40. Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?
- Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử
 - Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất**
 - Đồng nhất vật chất với khối lượng
 - Đồng nhất vật chất với ý thức
41. Hạn chế chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại
- Có tính chất duy tâm chủ quan
 - Có tính chất duy vật tự phát, là những phỏng đoán dựa trên những tài liệu cảm tính là chủ yếu, chưa có cơ sở khoa học**
 - Có tính chất duy vật máy móc siêu hình
 - Có tính chất duy vật máy móc
42. Phát minh ra hiện tượng phóng xạ và điện tử bác bỏ quan niệm triết học nào về vật chất

- a. **Quan niệm duy vật siêu hình về vật chất**
 b. Quan niệm duy tâm về vật chất
 c. Quan niệm duy vật biện chứng về vật chất
 d. Quan niệm duy tâm chủ quan
43. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về hiện tượng phóng xạ như thế nào?
 a. **Chứng minh nguyên tử không bất biến, nhưng không chứng minh vật chất bất biến**
 b. Chứng minh nguyên tử biến mất và vật chất cũng biến mất
 c. Chứng minh cơ sở vật chất của chủ nghĩa duy vật không còn
 d. Chứng minh vật chất tồn tại
44. Định nghĩa về vật chất của V.I.Lênin được nêu trong tác phẩm nào?
 a. Biện chứng của tự nhiên
 b. **Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán**
 c. Bút ký triết học
 d. Nhà nước và cách mạng
45. Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin bao quát đặc tính quan trọng nhất của mọi dạng vật chất để phân biệt với ý thức, đó là đặc tính gì?
 a. **Thực tại khách quan độc lập với ý thức của con người**
 b. Vận động và biến đổi
 c. Có khối lượng và quảng tính
 d. Tồn tại
46. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, chân không có vật chất tồn tại không?
 a. Có
 b. Không có
 c. Không biết
 d. **Vừa có, vừa không có**
47. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất?
 a. Vật chất là vật thể
 b. **Vật chất không loại trừ cái không là vật thể**
 c. Không là vật thể thì không phải là vật chất
 d. Vật chất nhiều hơn vật thể
48. Trường phái triết học nào cho vận động bao gồm mọi sự biến đổi nói chung, là phương thức tồn tại của vật chất?
 a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 b. **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
 c. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
 d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
49. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh lại, về mặt nhận thức luận, Lênin muốn khẳng định điều gì?
 a. **Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng phản ánh đúng thế giới khách quan**
 b. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể phản ánh đúng thế giới vật chất
 c. Cảm giác, ý thức phụ thuộc thụ động vào thế giới vật chất
 d. Cảm giác, ý thức là nguồn gốc của thế giới vật chất
50. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học có đặc tính gì?
 a. **Vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại, độc lập với ý thức**
 b. Có giới hạn, có sinh ra và có mất đi

- c. Tồn tại cảm tính
 - d. Vĩnh viễn tồn tại
51. Khoanh tròn vào câu mà anh (chị) cho là đúng nhất.
- a. **Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất mang nội dung ý thức.**
 - b. Ngôn ngữ là cái vỏ vật chất của tư duy.
 - c. Ngôn ngữ là hiện tượng tinh thần.
 - d. Ngôn ngữ có tính vật chất.
52. Chọn câu mà anh (chị) cho là đúng. **Mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học là:**
- a. **Giữa vật chất và ý thức thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào.**
 - b. Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không.
 - c. Vấn đề quan hệ giữa vật chất và ý thức.
 - d. Vấn đề giữa tư duy và tồn tại.
53. Quan điểm: **“Vật chất và ý thức là hai nguyên thể đầu tiên cùng song song tồn tại”** là quan điểm của trường phái triết học nào?
- a. Duy vật biện chứng
 - b. Duy tâm khách quan
 - c. Duy vật siêu hình
 - d. **Nhị nguyên luận**
54. Theo quan niệm triết học duy vật biện chứng, **không gian** là gì?
- a. Mô thức của trực quan cảm tính
 - b. Khái niệm của tư duy lý tính
 - c. **Thuộc tính của vật chất**
 - d. Một dạng vật chất
55. Hãy chọn câu đúng. Theo quan điểm của triết học Mác, **ý thức** là:
- a. Là hình ảnh của thế giới khách quan
 - b. Là hình ảnh phản ánh sự vận động và phát triển của thế giới khách quan
 - c. Là một phần chức năng của bộ óc con người
 - d. **Là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan của não bộ con người**
56. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng **thiếu sự tác động của thế giới khách quan vào não người, có hình thành và phát triển được ý thức không?**
- a. **Không**
 - b. Vừa có thể, vừa không thể
 - c. Có thể hình thành được
 - d. Cả a,b,c đều sai
57. **Sự khác nhau** cơ bản giữa **phản ánh ý thức** và **các hình thức phản ánh khác nhau** của thế giới vật chất là ở chỗ nào?
- a. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh
 - b. **Tính sáng tạo năng động**
 - c. Tính quy định bởi vật phản ánh
 - d. Cả a,b,c đều đúng
58. **Ph.Ăngghen** viết: “[...] là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: [...] đã sáng tạo ra bản thân con người”. Hãy điền một từ vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.
- a. **Lao động**
 - b. Vật chất
 - c. Tự nhiên
 - d. Sản xuất

59. Xem xét sự vật theo quan điểm toàn diện yêu cầu chúng ta phải như thế nào ?
- Không cần xem xét mối liên hệ
 - Chỉ xem xét một mối liên hệ
 - Phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vật
 - Phải xem xét tất cả các mối liên hệ đồng thời phân loại và thấy được vị trí, vai trò của các mối liên hệ**
60. Lựa chọn câu đúng nhất theo quan điểm của CNDVBC.
- Mối liên hệ chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng với nhau còn trong bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ.
 - Mối liên hệ của sự vật hiện tượng chỉ do ý chí con người tạo ra còn bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ.
 - Mối liên hệ của sự vật hiện tượng không chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng mà còn diễn ra ngay trong sự vật hiện tượng.**
 - Tất cả các câu đều sai
61. Lênin viết: “Muốn là người duy vật phải thừa nhận...nghĩa là không lệ thuộc vào con người và loài người”. Hãy điền từ để hoàn thiện câu trên ?
- Hiện thực khách quan**
 - Thế giới vật chất
 - Tồn tại khách quan
 - Chân lý khách quan
62. Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng: “Phát triển là ... của sự vận động của sự vật, hiện tượng”. Hãy hoàn thiện quan điểm trên.
- Khuynh hướng chung**
 - Xu thế chung
 - Con đường
 - Tất cả đều sai
63. Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn của quá trình phát của sự vật được gọi là gì ?
- Mâu thuẫn bên trong
 - Mâu thuẫn bên ngoài
 - Mâu thuẫn chủ yếu**
 - Mâu thuẫn thứ yếu
64. Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi quá trình đồng hóa và dị hóa trong cơ thể sống là gì?
- Những thuộc tính
 - Hai thuộc tính
 - Hai mặt đối lập**
 - Hai yếu tố
65. Trong hoạt động thực tiễn, sai lầm của sự chủ quan nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?
- Quy luật mâu thuẫn
 - Quy luật lượng-chất**
 - Quy luật phủ định của phủ định
 - Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
66. Xác định quan niệm sai về phủ định biện chứng:
- Phủ định có tính kế thừa
 - Phủ định là chấm dứt sự phát triển**
 - Phủ định đồng thời cũng là sự khẳng định
 - Phủ định có tính khách quan, phổ biến

67. Ý nghĩa rút ra khi nghiên cứu quy luật mâu thuẫn. Xác định đáp án sai.
- Mâu thuẫn là khách quan, khi nghiên cứu sự vật hiện tượng phải nghiên cứu về mâu thuẫn của nó.
 - Sự vật khác nhau, mâu thuẫn khác nhau, nên phải có biện pháp phù hợp để giải quyết từng mâu thuẫn.
 - Phải giải quyết mâu thuẫn bằng phương pháp đấu tranh chứ không dung hòa.
 - Mâu thuẫn phụ thuộc vào cảm nhận của con người nên phải tìm cách nhận thức nó.**
68. Triết học Mác-Lênin cho rằng : Thực tiễn là toàn bộ ... có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan. Chọn từ đúng nhất để hoàn thiện quan điểm trên :
- Hoạt động tinh thần
 - Hoạt động vật chất**
 - Hoạt động vật chất và tinh thần
 - Cả a, b, c sai
69. Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các khái niệm?
- Khái niệm
 - Phán đoán**
 - Suy lý
 - Trừu tượng
70. Hình ảnh của sự vật được tái hiện ở trong đầu khi không còn tri giác trực tiếp sự vật được gọi là gì?
- Khái niệm
 - Phán đoán
 - Biểu tượng**
 - Suy lý
71. Hình thức nào dưới đây không nằm trong giai đoạn nhận thức lý tính?
- Tri giác**
 - Phán đoán
 - Suy lý
 - Khái niệm
72. Hình ảnh về sự vật được tái hiện trong đầu khi không còn tri giác trực tiếp sự vật được gọi là gì?
- Biểu tượng**
 - Phán đoán
 - Khái niệm
 - Suy lý
73. Ph.Ăngghen viết về vai trò động lực của thực tiễn đối với nhận thức như sau: “Khi xã hội có nhu cầu về kỹ thuật thì nó thúc đẩy khoa học phát triển hơn mười [.....]”. Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.
- Nhà phát minh
 - Viện nghiên cứu
 - Tiến sĩ khoa học
 - Trường đại học**
74. Kim loại dẫn điện. Kết luận này được rút ra từ đâu?
- Nhận thức
 - Suy luận**
 - Cảm giác

- d. Thực tiễn
75. **Mác viết:** "... là thân thể vô cơ của con người và xã hội loài người". Hãy điền vào dấu ... để hoàn thiện quan điểm trên?
- Xã hội
 - Trái đất
 - Giới tự nhiên**
 - Môi trường
76. Câu trả lời đúng. **Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất trên các mặt:**
- Hình thức quan hệ sản xuất
 - Sự biến đổi của quan hệ sản xuất
 - Trình độ quan hệ sản xuất
 - Cả a, b, c**
77. **Đường lối, quan điểm của Đảng** là một bộ phận của:
- Cơ sở hạ tầng
 - Lực lượng sản xuất
 - Kiến trúc thượng tầng**
 - Quan hệ sản xuất
78. **Mác viết:** "con người liên hệ khăng khít với tự nhiên, điều đó chẳng qua... là tự nhiên liên hệ khăng khít với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên". Hãy điền vào chỗ trống từ thích hợp dưới đây để hoàn thiện câu trên?
- Chỉ xác định
 - Chỉ có nghĩa**
 - Chỉ khẳng định
 - Chỉ có thể
79. **Môi trường sống của con người** được hiểu với nghĩa là:
- Môi trường địa lý
 - Môi trường sinh quyển
 - Môi trường tự nhiên- xã hội**
 - Cả a,b,c đều sai
80. **Ph.Ăngghen** viết: **Mác đã phát hiện ra quy luật phát triển** của..., nghĩa là tìm ra cái sự thật đơn giản là: trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo". Hãy điền từ thích hợp vào dấu ... để hoàn thiện câu trên?
- Thế giới
 - Xã hội loài người**
 - Tự nhiên
 - Vật chất
81. Khi **nói về con người**, **chủ nghĩa Mác-Lênin** cho rằng: "Con người là một... sinh học - xã hội". Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên:
- Cá thể
 - Thực thể**
 - Tập hợp hai mặt
 - Sinh vật
82. **Con người phát triển và hoàn thiện mình** chủ yếu dựa vào **yếu tố** nào?
- Phát triển kinh tế - xã hội
 - Đấu tranh giai cấp
 - Lao động sản xuất**
 - Cả a, b, c sai

83. Ý thức xã hội bao gồm những cấp độ nào?
- Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng**
 - Tình cảm xã hội và ý thức xã hội
 - Nhận thức xã hội
 - Phản ánh xã hội
84. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ph.Ăngghen, hình thức vận động nào là thấp nhất?
- Hình thức vận động cơ học**
 - Hình thức vận động vật lý
 - Hình thức vận động hoá học
 - Hình thức vận động xã hội
85. Trường phái triết học nào cho vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối?
- Chủ nghĩa duy vật tự phát
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
 - Chủ nghĩa duy tâm khách quan
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII – XVIII
86. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nguồn gốc của ý thức?
- Là sự phản ánh của hiện thực khách quan
 - Là thuộc tính của bộ não người, do não người tiết ra
 - Phủ nhận nguồn gốc vật chất của ý thức**
 - Ý thức tồn tại vĩnh viễn
87. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm những yếu tố nào?
- Bộ óc con người
 - Bộ óc con người và thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc con người**
 - Lao động của con người
 - Gồm cả a, b, c
88. Nguồn gốc xã hội của ý thức là yếu tố nào?
- Bộ óc con người
 - Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người
 - Lao động và ngôn ngữ của con người**
 - Lao động và phản ánh
89. Theo C.Mác, yếu tố đầu tiên đảm bảo cho sự tồn tại của con người là gì?
- Làm khoa học
 - Sáng tạo nghệ thuật
 - Lao động**
 - Làm chính trị
90. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quá trình hình thành ý thức là quá trình nào?
- Tiếp thu sự tác động của thế giới bên ngoài
 - Sáng tạo thuần túy trong tư duy con người
 - Hoạt động kinh tế
 - Hoạt động chủ động cải tạo thế giới và phản ánh sáng tạo thế giới**
91. Để phản ánh hiện thực khách quan và trao đổi tư tưởng con người cần có cái gì?
- Công cụ lao động
 - Cơ quan cảm giác
 - Ngôn ngữ**
 - Công cụ sản xuất

92. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là gì?
- Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người
 - Lao động, thực tiễn xã hội**
 - Bộ não người và hoạt động của nó
 - Công cụ lao động
93. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?
- Ý thức là thực thể độc lập
 - Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người
 - Ý thức là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan vào bộ óc con người**
 - Ý thức là năng lực của mọi dạng vật chất
94. Quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính sáng tạo của ý thức là thế nào?
- Ý thức tạo ra vật chất
 - Ý thức tạo ra sự vật trong hiện thực**
 - Ý thức không sinh, không diệt
 - Ý thức tạo ra hình ảnh mới về sự vật trong tư duy
95. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?
- Tri thức**
 - Tình cảm
 - Niềm tin
 - Ý chí
96. Kết cấu theo chiều dọc của ý thức gồm những yếu tố nào?
- Tự ý thức; tiềm thức; vô thức
 - Tri thức; niềm tin; ý chí**
 - Cảm giác; khái niệm; phán đoán
 - Ý thức; tự ý thức
97. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?
- Ý thức do vật chất quyết định, thỉnh thoảng tồn tại đồng thời
 - Ý thức tác động đến vật chất
 - Ý thức quyết định vật chất và vật chất tác động lại ý thức
 - Ý thức do vật chất quyết định, nhưng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn**
98. Phép biện chứng duy vật có mấy nguyên lý cơ bản?
- Một nguyên lý cơ bản
 - Hai nguyên lý cơ bản**
 - Ba nguyên lý cơ bản
 - Bốn nguyên lý cơ bản
99. Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là nguyên lý nào?
- Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của vật chất
 - Nguyên lý về sự vận động và đứng im của các sự vật
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển**
 - Nguyên lý về tính liên tục và tính gián đoạn của thế giới vật chất
100. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?
- Tính ngẫu nhiên, chủ quan
 - Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**
 - Tính khách quan, tính đặc thù, tính đa dạng
 - Tính khách quan, đa dạng

101. Quan điểm nào cho rằng thế giới vô cơ, thế giới sinh vật và xã hội loài người là 3 lĩnh vực hoàn toàn khác biệt nhau, không quan hệ gì với nhau?
- Quan điểm duy vật siêu hình**
 - Quan điểm duy vật biện chứng
 - Quan điểm duy tâm khách quan
 - Quan điểm duy tâm chủ quan
102. Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là nguyên lý nào?
- Nguyên lý về sự phát triển
 - Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
 - Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất
 - Nguyên lý về tính đa dạng, phong phú của thế giới vật chất
103. Trong các quan điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?
- Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng**
 - Phát triển là sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất
 - Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và sự phá vỡ chất cũ
 - Chất của sự vật đóng băng
104. Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển chỉ là những bước nhảy về chất, không có sự thay đổi về lượng”.
- Triết học duy vật biện chứng
 - Triết học duy vật siêu hình**
 - Triết học biện chứng duy tâm
 - Triết học hiện sinh
105. Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển là quá trình vận động tiến lên theo con đường xoáy ốc”
- Quan điểm siêu hình
 - Quan điểm chiết trung và nguy biện
 - Quan điểm biện chứng**
 - Quan điểm duy tâm
106. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là không đúng?
- Phát triển bao quát toàn bộ sự vận động nói chung**
 - Phát triển chỉ khái quát xu hướng vận động đi lên của các sự vật
 - Phát triển chỉ là một trường hợp cá biệt của sự vận động
 - Phát triển chỉ xu hướng vận động đi xuyên qua sự vật
107. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?
- Phát triển là xu hướng chung của sự vận động của thế giới vật chất.**
 - Phát triển là xu hướng chung nhưng không bản chất của sự vận động của sự vật.
 - Phát triển là xu hướng cá biệt của sự vận động của các sự vật.
 - Phát triển là điều hiển nhiên.
108. Trong xã hội sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?
- Sự xuất hiện các hợp chất mới.
 - Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường.
 - Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác cao hơn dân chủ, văn minh hơn.**
 - Sự thay thế cấu trúc xã hội.
109. Ăngghen viết: “...đã sáng tạo ra bản thân con người”. Hãy chọn từ thích hợp điền vào dấu ... để hoàn thiện câu trên?
- Vật chất

- b. Thượng đế
c. Lao động
 d. Tự nhiên
110. Cấu trúc của một hình thái kinh tế- xã hội gồm các yếu tố nào hợp thành?
a. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng
 b. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
 c. Quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng
 d. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
111. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những tính chất nào sau đây là tính chất của sự phát triển?
 a. Tính khách quan.
 b. Tính phổ biến.
 c. Tính chất đa dạng, phong phú trong nội dung và hình thức phát triển.
d. cả a, b và c.
112. Theo Lênin: “ người ta gọi, những tập đoàn người to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận) đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động sản xuất và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng”. những tập đoàn mà Lênin nói ở đây là gì?
a. Giai cấp.
 b. Tầng lớp.
 c. Tư sản.
 d. Tri thức.
113. Trong các đặc trưng của định nghĩa giai cấp của Lênin, đặc trưng nào là quyết định nhất?
a. có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định trong lịch sử.
 b. Có mối quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất.
 c. Có vai trò khác nhau trong tổ chức lao động xã hội.
 d. Có sự khác nhau về phương thức và quy mô hưởng thụ của cải xã hội.
114. Theo Lênin: “ ... là đấu tranh của một bộ phận nhân dân này chống lại một bộ phận khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền, bị áp bức và lao động chống bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và ăn bám, cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản”. ở đây Lênin nói đến cuộc đấu tranh gì?
a. Đấu tranh giai cấp.
 b. Đấu tranh kinh tế.
 c. Đấu tranh dân tộc.
 d. Đấu tranh sắc tộc.
115. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?
 a. Đấu tranh tư tưởng.
 b. Đấu tranh chính trị.
c. Đấu tranh kinh tế.
 d. Đấu tranh vũ trang.
116. Trong nhận thức cần quán triệt quan điểm phát triển. Điều đó dựa trên cơ sở lý luận của nguyên lý nào?
 a. Nguyên lý về mối quan hệ phổ biến.
b. Nguyên lý về sự phát triển.
 c. Nguyên lý về tính thống nhất vật chất của thế giới.
 d. Nguyên lý mâu thuẫn.
117. Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa

học nào?

a. **Triết học.**

b. Sinh học.

c. Hoá học.

d. Vật lý.

118. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

a. Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng.

b. Cái riêng tồn tại khách quan không bao chứa cái chung.

c. cái chung và cái riêng không tồn tại đồng thời.

d. **không có cái chung thuần túy tồn tại ngoài cái riêng, cái chung tồn tại thông qua cái riêng.**

119. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm sau đây đúng hay sai: “Muốn nhận thức được cái chung phải xuất phát từ cái riêng”?

a. **Đúng.**

b. sai.

c. không xác định.

d. vừa đúng, vừa sai.

120. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Có thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau.

b. **không thể coi nguyên nhân và kết quả nằm ở hai sự vật khác nhau.**

c. Nguyên nhân và kết quả không cùng một kết cấu vật chất.

d. Nguyên nhân và kết quả là tất nhiên.

121. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. **Nội dung và hình thức không tách rời nhau.**

b. Nội dung và hình thức luôn luôn phù hợp với nhau.

c. Nội dung luôn luôn bằng với hình thức của nó.

d. không phải lúc nào nội dung và hình thức cũng phù hợp với nhau.

122. Trong các luận điểm sau, đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quan hệ giữa nội dung và hình thức?

a. Nội dung quyết định hình thức trong sự phát triển của sự vật.

b. Hình thức quyết định nội dung.

c. Tồn tại hình thức thuần túy không chứa nội dung.

d. **a và b đúng.**

123. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Bản chất không được biểu hiện ở hiện tượng.

b. Bản chất nào hiện tượng ấy, bản chất hoàn toàn đồng nhất với hiện tượng.

c. **Bản chất nào hiện tượng ấy, bản chất thay đổi hiện tượng biểu hiện nó cũng thay đổi**

d. Bản chất là cái vĩnh viễn.

124. Dấu hiệu để phân biệt khả năng với hiện thực là gì?

a. **Sự có mặt và không có mặt trên thực tế.**

b. sự nhận biết được hay không nhận biết được.

c. sự xác định hay không xác định.

d. khả năng không tồn tại.

125. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào khả năng.

b. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, không cần tính đến khả năng.

c. **Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, đồng thời phải tính đến khả năng.**

d. Hoạt động thực tiễn không bao hàm hoạt động sáng tạo.

126. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là SAI?

- a. Chất là tính quy định vốn có của sự vật.
b. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì.
c. Chất đồng nhất với thuộc tính.
d. Chất là cái để phân biệt nó với cái khác.
127. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **SAI**?
a. Chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật.
b. Chất tồn tại khách quan gắn liền với sự vật.
c. không có chất thuần túy bên ngoài sự vật.
d. Chất là cái vốn có của sự vật.
128. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **SAI**?
a. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật.
b. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật.
c. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người.
d. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật.
129. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **ĐÚNG**?
a. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của lượng.
b. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của chất.
c. Độ là phạm trù triết học chỉ giới hạn biến đổi của lượng, trong đó chưa làm thay đổi chất của sự vật.
130. Giới hạn từ 0 C đến 100 C được gọi là gì trong quy luật lượng – chất?
a. Độ.
b. Chất.
c. Lượng.
d. Bước nhảy.
131. Khi nước chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí tại 100 C được gọi là gì trong quy luật lượng – chất?
a. Độ.
b. Bước nhảy.
c. Chuyển hoá.
d. Tĩnh tiến.
132. Trong một mối quan hệ nhất định, cái gì xác định sự vật?
a. Tính quy định về lượng.
b. Tính quy định về chất.
c. Thuộc tính của sự vật.
d. Tính ngẫu nhiên.
133. Tính quy định nói lên sự vật trong một mối quan hệ nhất định đó, gọi là gì?
a. Chất.
b. Lượng.
c. Độ.
d. Bước nhảy.
134. Tính quy định nói lên quy mô trình độ phát triển của sự vật được gọi là gì?
a. Chất.
b. Lượng.
c. Độ.
d. Điểm nút.
135. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **SAI**?
a. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng chưa làm cho chất của sự vật biến đổi.
b. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật.
c. chỉ khi lượng đạt đến giới hạn của độ mới làm cho chất của sự vật thay đổi.
d. khi bước nhảy được thực hiện thì sự vật chuyển hoá
136. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **đúng**?

- a. Sự biến đổi về chất là kết quả sự biến đổi về lượng của sự vật.
b. không phải sự biến đổi về chất nào cũng là kết quả của sự biến đổi về lượng.
 c. Chất không có tác động gì đến sự thay đổi của lượng.
 d. Chất biến đổi trước khi có sự biến đổi của lượng.
137. Theo quan điểm của **chủ nghĩa duy vật biện chứng**, luận điểm nào sau đây là **đúng**?
 a. phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng.
 b. phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất.
c. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hoá từ sự thay đổi dần về lượng sang sự thay đổi về chất và ngược lại.
 d. Chất và lượng cùng biến đổi đồng thời.
138. Trong hoạt động thực tiễn **sai lầm của trì trệ bảo thủ** là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?
a. Quy luật lượng – chất.
 b. Quy luật phủ định của phủ định.
 c. Quy luật mâu thuẫn.
 d. Quy luật tự nhiên.
139. Trong **quy luật mâu thuẫn**, **tính quy định về chất và tính quy định về lượng** được gọi là gì?
 a. Hai sự vật.
b. Hai quá trình.
 c. Hai thuộc tính.
 d. Hai mặt đối lập.
140. Theo quan điểm của **chủ nghĩa duy vật biện chứng**, luận điểm nào sau đây là **SAI**?
 a. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau.
 b. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật.
c. Mặt đối lập không nhất thiết phải gắn liền với sự vật.
 d. Mặt đối lập là vốn có của sự vật, hiện tượng.
141. **Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau**, triết học gọi là gì?
 a. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập.
b. Sự thống nhất của hai mặt đối lập.
 c. Sự chuyển hoá của hai mặt đối lập.
 d. Sự tương đồng của các mặt đối lập.
142. Theo quan điểm của **chủ nghĩa duy vật biện chứng** **sự thống nhất của các mặt đối lập** có những **biểu hiện** gì?
a. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau.
 b. Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập.
 c. Sự bài trừ phủ định nhau.
 d. Gồm a, b và c.
143. Luận điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: **“ sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập”**.
a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
 b. chủ nghĩa duy vật biện chứng.
 c. chủ nghĩa duy tâm biện chứng.
 d. chủ nghĩa duy lý.
144. **Sự tác động theo xu hướng nào** thì được gọi là **sự đấu tranh của các mặt đối lập**?
 a. Ràng buộc nhau.
 b. Nương tựa nhau.
 c. Đan xen nhau.
d. phủ định bài trừ nhau.
145. Trong **mâu thuẫn biện chứng**, **các mặt đối lập** quan hệ với nhau như thế nào?
 a. chỉ thống nhất với nhau.
 b. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau.
 c. Bình đẳng với nhau.

- d. vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.**
146. Trong hai xu hướng tác động của các mặt đối lập, xu hướng nào quy định sự biến đổi thường xuyên của sự vật?
- Thống nhất của các mặt đối lập.
 - Đấu tranh của các mặt đối lập.**
 - không có xu hướng nào cả.
 - Sự tồn tại đồng thời của sự vật, hiện tượng.
147. Mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, thay đổi cùng với sự thay đổi căn bản về chất của sự vật, được gọi là mâu thuẫn gì?
- Mâu thuẫn chủ yếu.
 - Mâu thuẫn bên trong.
 - Mâu thuẫn cơ bản.**
 - Mâu thuẫn đối kháng.
148. Mâu thuẫn nổi lên hàng đầu ở một giai đoạn phát triển nhất định của sự vật, chi phối các mâu thuẫn khác trong giai đoạn đó được gọi là mâu thuẫn gì?
- Mâu thuẫn cơ bản.
 - Mâu thuẫn chủ yếu.**
 - Mâu thuẫn thứ yếu.
 - Mâu thuẫn đối kháng.
149. Mâu thuẫn đối kháng tồn tại ở đâu?
- Trong cả tự nhiên, xã hội và tư duy.
 - Trong mọi xã hội.**
 - Trong xã hội có giai cấp đối kháng.
 - Trong tự nhiên.
150. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là **SAI**?
- phủ định biện chứng có tính khách quan.
 - phủ định biện chứng là kết quả giải quyết những mâu thuẫn bên trong xã hội.
 - phủ định biện chứng phụ thuộc vào ý thức của con người.**
 - phủ định biện chứng có tính đa dạng, phong phú, riêng biệt.
151. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là **SAI**?
- phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn.**
 - phủ định biện chứng không đơn giản là xoá bỏ cái cũ.
 - phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ.
 - phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố còn thích hợp của cái cũ.
152. Luận điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: “cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ”.?
- Quan điểm siêu hình.**
 - Quan điểm biện chứng duy vật.
 - Quan điểm biện chứng duy tâm.
 - Quan điểm duy tâm khách quan.
153. Sự tự phủ định để đưa sự vật đường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?
- phủ định biện chứng.
 - phủ định của phủ định.
 - chuyển hoá.**
 - sự lặp lại.
154. Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?
- Đường thẳng đi lên.
 - Đường tròn khép kín.
 - Đường xoáy ốc đi lên.**
 - Đường mòn.

155. Vị trí của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật?
- Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển.
 - Chỉ ra cách thức của sự phát triển.
 - Chỉ ra xu hướng của sự phát triển.**
 - Cả a, b và c.
156. Trường phái triết học nào cho rằng thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp của nhận thức?
- Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
 - Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng.**
 - Chủ nghĩa duy nghiệm.
157. Hoạt động nào sau đây là hoạt động thực tiễn?
- Mọi hoạt động vật chất của con người.
 - Hoạt động tư duy sáng tạo ra các ý tưởng.
 - Hoạt động quan sát.
 - Hoạt động thực nghiệm.**
158. Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất quy định các hình thức hoạt động khác là hình thức nào sau đây?
- Hoạt động sản xuất vật chất.**
 - Hoạt động chính trị xã hội.
 - Hoạt động quan sát và thực nghiệm khoa học.
 - Hoạt động kinh tế.
159. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tiêu chuẩn chân lý?
- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý có tính chất tương đối.
 - Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý có tính chất tuyệt đối.
 - Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý vừa có tính chất tương đối vừa có tính chất tuyệt đối.**
 - Chân lý có tính khách quan.
160. Chủ nghĩa Mác – Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ.
- Triết học Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học.**
 - Triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.
 - Triết học cổ điển, kinh tế chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội khoa học.
 - Xã hội.
161. Triết học Mác – Lênin bao gồm?
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật siêu hình.
 - Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật.
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.**
 - Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.
162. Chủ nghĩa Mác – Lênin thể hiện bản chất?
- Cách mạng và khoa học.**
 - Dân tộc và hiện đại.
 - Khoa học và dân tộc.
 - Toàn dân.
163. Trong triết học Mác xít?
- Chủ nghĩa duy vật và phép siêu hình gắn liền với nhau.
 - Chủ nghĩa duy tâm và phép biện chứng gắn liền với nhau.
 - Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn liền với nhau.**
 - Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm gắn liền với nhau.
164. Với chủ nghĩa duy vật lịch sử đã vạch ra và làm sáng tỏ quy luật về mối quan hệ giữa?
- Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.**
 - Tư liệu sản xuất và đối tượng lao động.
 - Quan hệ sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm.
 - Các tầng lớp trong xã hội.

165. Chủ nghĩa Mác – Lênin là một học thuyết có tính chất?
- Mở, không cứng nhắc.**
 - Đóng, bất biến.
 - Mở, giáo điều.
 - Mở, vĩnh viễn.
166. Sau khi C.Mác từ trần năm 1883, có người đã dành 12 năm cuộc đời mình làm một việc có liên quan đến sự nghiệp của C.Mác. Công việc đó được đánh giá như đã dựng cho C.Mác một tượng đài vĩnh cửu mà trên đó, người tiến hành công việc này nghĩ rằng mình cũng đã để lại tên mình bằng những nét vàng chói lọi. Người đã tiến hành công việc đó là ai?
- V.I. Lênin.
 - Ph. Ăngghen.**
 - Thomas Morơ.
 - Platon.
167. Chủ nghĩa duy vật quan niệm về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như sau?
- Vật chất có trước, ý thức có sau.**
 - Ý thức có trước, vật chất có sau.
 - Vật chất và ý thức không có cái nào có trước, không có cái nào có sau.
 - Vật chất và ý thức tồn tại song song.
168. Chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm các bộ phận?
- Triết học Mác – Lênin.
 - Kinh tế chính trị Mác – Lênin.
 - Chủ nghĩa xã hội khoa học.
 - Câu a, b và c đều đúng.**
169. Triết học Mác – Lênin?
- Nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.**
 - Nghiên cứu quan hệ giữa người với người hình thành trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng của cái vật chất.
 - Nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa.
 - Nghiên cứu tư duy.
170. Những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lênin thể hiện bản chất?
- Cách mạng và khoa học,**
 - Thế giới quan duy vật triệt để.
 - Phương pháp luận biện chứng.
 - Dân chủ.
171. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, con người bắt nguồn từ?
- Thần Dớt.
 - Vượn người.**
 - Đấng tối cao.
 - Thượng đế.
172. Sự xuất hiện của con người gắn với?
- sự xuất hiện của xã hội loài người.
 - Gắn với sự xuất hiện của tự nhiên.**
 - Động vật.
 - Cả câu a, b đều đúng.
173. Sản xuất ra của cái vật chất là?
- Hoạt động đặc trưng của con người và xã hội loài người.**
 - Hoạt động của loài vật.
 - Hoạt động của loài người và của loài vật.
 - Hoạt động kinh tế.
174. Quá trình sản xuất chủ yếu trong xã hội?
- Sản xuất vật chất.

- b. Sản xuất tinh thần.
c. Sản xuất ra bản thân con người.
d. Cả a, b và c đều đúng.
175. Trong xã hội có ba quá trình sản xuất là chủ yếu, **quá trình nào là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội?**
a. Sản xuất vật chất.
b. Sản xuất tinh thần.
c. Sản xuất ra bản thân con người.
d. Sản xuất công cụ lao động.
176. **Quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội?**
a. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
b. Quy luật về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
c. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.
d. Câu a, c đúng.
177. **Tính chất của lực lượng sản xuất biểu hiện ở hai mức độ?**
a. Là tính chất cá nhân hay tính chất xã hội của công cụ lao động.
b. Là tính chất tập thể hay tính chất xã hội của lực lượng sản xuất.
c. Câu a, b đều sai.
d. Câu a, b đúng.
178. **Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở?**
a. Trình độ của người lao động, trình độ của công cụ lao động.
b. Trình độ tổ chức lao động xã hội, trình độ tổ chức lao động xã hội.
c. Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất, trình độ phân công lao động xã hội.
d. Câu a, b và c đúng.
179. **Nội dung của quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?**
a. Lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, biến đổi và phát triển của quan hệ sản xuất.
b. Quan hệ sản xuất quyết định sự hình thành, biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất.
c. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất.
d. Lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, biến đổi của QHSX ; QHSX tác động trở lại LLSX.
e. Câu a, b, c đúng.
180. Từ định nghĩa của Lênin về giai cấp, rút ra **mấy đặc trưng cơ bản của giai cấp?**
a. Ba.
b. Bốn.
c. Năm.
d. Sáu.
181. Bốn đặc trưng của giai cấp, **đặc trưng nào quyết định nhất?**
a. Giai cấp là những tập đoàn có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định.
b. Các giai cấp có quan hệ khác nhau đối với tư liệu sản xuất.
c. Các giai cấp có vai trò khác nhau trong tổ chức lãnh đạo xã hội, trong quản lý sản xuất.
d. Các giai cấp có vai trò khác nhau về phương thức thu nhập của cải xã hội.
182. **Sự chuyển biến của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau được quyết định bởi?**
a. Phương thức sản xuất.
b. Lực lượng sản xuất.

- c. Quan hệ sản xuất.
d. Cơ sở hạ tầng.
183. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã trải qua các phương thức sản xuất hay các chế độ xã hội như sau?
- a. Công xã nguyên thủy, chế độ phong kiến, chiếm hữu nô lệ, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).
b. Công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).
c. Chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).
d. Công xã nguyên thủy, chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).
184. Xã hội loài người là một dạng phát triển đặc biệt của?
- a. Đáng tối cao.
b. Thế giới tinh thần.
c. Thế giới vật chất.
d. Con người.
185. Mác đã giải thích xã hội trên quan điểm?
- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
b. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng.
c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
d. Chủ nghĩa duy thực.
186. Lao động của con người là hoạt động mang tính?
- a. Tính cá nhân.
b. Tính xã hội.
c. Dân chủ.
d. Tự do.
187. Khi nền sản xuất được thực hiện với những công cụ ở trình độ thủ công, đơn giản thì lượng mang tính?
- a. Tính xã hội.
b. Cá nhân.
c. Tính quần chúng.
d. Tính lạc hậu.
188. Quan điểm đổi mới của Đảng ta hiện nay?
- a. Chỉ đổi mới đất nước trên lĩnh vực kinh tế.
b. Chỉ đổi mới đất nước trên lĩnh vực chính trị.
c. Đổi mới dần dần.
d. Phải biết kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.
189. Xã hội loài người xuất hiện?
- a. Đã có giai cấp.
b. Không bao giờ có giai cấp.
c. Giai cấp tồn tại ngẫu nhiên.
d. Không phải bao giờ cũng tồn tại các giai cấp. Giai cấp chỉ xuất hiện khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định.
190. Nguyên nhân trực tiếp sản sinh ra giai cấp là?
- a. Do sự chênh lệch về của cải.
b. Do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.
c. Do chế độ phụ quyền.
d. Do chiến tranh giữa các bộ tộc.
191. Ở nước ta việc xác định cơ cấu kinh tế công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ, thì phải hướng đến?
- a. Tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động nông nghiệp, dịch vụ tăng; tỷ trọng và số

- lượng tuyệt đối lao động công nghiệp ngày càng giảm.
- b. Tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động dịch vụ tăng; tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động công nghiệp, nông nghiệp giảm.
- c. Tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động dịch vụ tăng.
- d. Tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng; tỷ trọng và số lượng tuyệt đối lao động nông nghiệp ngày càng giảm.**
192. Khái quát nhất, **lợi ích kinh tế** là?
- a. Lợi ích cá nhân.
- b. Lợi ích tập thể.
- c. Lợi ích xã hội.
- d. a, b và c đều đúng.**
193. **Tiêu chuẩn khách quan để phân định các chế độ xã hội trong lịch sử?**
- a. Quan hệ sản xuất đặc trưng.
- b. Lực lượng sản xuất.
- c. Chính trị, tư tưởng.
- d. Phương thức sản xuất.**
194. Chọn câu trả lời đúng. Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, **muốn thay đổi một chế độ xã hội thì?**
- a. Thay đổi lực lượng sản xuất.
- b. Tạo ra nhiều của cải.
- c. Thay đổi quan hệ sản xuất.
- d. Thay đổi lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.**
195. Chọn **quan điểm đúng** trong các quan điểm sau?
- a. Tồn tại xã hội có trước, ý thức xã hội có sau, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.
- b. Tồn tại xã hội có trước, ý thức xã hội có sau, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng ý thức xã hội có sự tác động trở lại tồn tại xã hội.**
- c. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội ra đời đồng thời nhưng tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội có sự tác động trở lại tồn tại xã hội.
- d. cả a và c đúng.
196. **Mâu thuẫn giữa giai cấp công và giai cấp tư sản** được gọi là?
- a. Mâu thuẫn đối kháng.**
- b. Mâu thuẫn bên trong.
- c. Mâu thuẫn cơ bản.
- d. Mâu thuẫn chủ yếu.
197. **Chủ nghĩa Mác – Lênin gồm?**
- a. 3 bộ phận cấu thành.**
- b. 4 bộ phận cấu thành.
- c. 5 bộ phận cấu thành.
- d. 2 bộ phận cấu thành.
198. **Chủ nghĩa Mác ra đời vào?**
- a. Đầu thế kỷ XIX.
- b. Giữa thế kỷ XIX.**
- c. Cuối thế kỷ XIX.
- d. Đầu thế kỷ XXI.
199. **Sự ra đời của chủ nghĩa Mác được quyết định bởi?**
- a. 3 tiêu đời.**
- b. 4 tiêu đời.
- c. 5 tiêu đời.
- d. 6 tiêu đời.
200. **Triết học Mác – Lênin ra đời một phần là kết quả kế thừa trực tiếp của?**
- a. Thế giới quan duy vật của Hêghen và phép biện chứng của phoiơbắc.
- b. Thế giới quan duy vật của phoiơbắc và phép biện chứng của Hêghen.**

- c. Thế giới quan duy vật và phép biện chứng của cả Hêghen và phoiơbắc.
d. Tất cả đều sai.
201. Triết học do Mác và Ph. Ăng – ghen thực hiện là bước ngoặt cách mạng trong sự phát triển của triết học, **biểu hiện vĩ đại nhất của bước ngoặt cách mạng** đó là?
- a. Việc thay đổi căn bản tính chất của triết học, thay đổi căn bản đối tượng của nó và mối quan hệ đối với các khoa học khác.
b. Việc gắn bó chặt chẽ giữa triết học với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động.
c. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử làm thay đổi hẳn quan niệm của con người về xã hội.
d. Tất cả đều sai.
202. **C. Mác đã kế thừa “hạt nhân hợp lý”** phép biện chứng trong triết học của ông để xây dựng phép biện chứng duy vật. Ông là ai?
- a. Phoiơbắc.
b. Platon.
c. Hêghen.
d. Kant.
203. **Triết học Mác là thế giới quan khoa học của?**
- a. Giai cấp tư sản tiến bộ.
b. Giai cấp công nhân.
c. Tầng lớp trí thức.
d. Giai cấp tiểu tư sản.
204. Theo quan điểm của **triết Mác – Lênin**, có thể **định nghĩa về vật chất** như sau?
- a. Vật chất là những chất tạo nên vũ trụ.
b. Vật chất là nguyên tử.
c. Vật chất là thực tại khách quan.
d. Vật chất là vật thể cụ thể.
205. **Ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin** được thể hiện?
- a. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất.
b. Cho phép xác định cái gì là vật chất trong lĩnh vực xã hội.
c. Bác bỏ thuyết không thể biết.
d. Cả 3 ý trên đều đúng.
206. Theo Ph. Ăng – ghen, có thể chia vận động thành?
- a. 4 hình thức vận động cơ bản.
b. 5 hình thức vận động cơ bản.
c. 6 hình thức vận động cơ bản.
d. 7 hình thức vận động cơ bản.
207. **Nội dung của mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức** là?
- a. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.
b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức nhưng trong những hoàn cảnh cụ thể, ý thức có thể quyết định trở lại vật chất.
c. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động của con người.
d. Các câu trên đều sai.
208. **Vật chất là tất cả những gì?**
- a. Tồn tại một cách cụ thể, có thể nhìn thấy.
b. Tồn tại vô hình, thần bí ở bên ngoài thế giới khác quan.
c. Tồn tại cảm tính và tồn tại không cảm tính.
d. Tồn tại ở bên ngoài ý thức, được ý thức con người phản ánh.
209. **Vận động là?**
- a. Sự chuyển động của các vật thể trong không gian.
b. Sự chuyển hoá từ trạng thái này sang trạng thái khác của sự vật hiện tượng.

- c. Sự thay đổi vị trí của các sự vật hiện tượng trong không gian, thời gian.
- d. Mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong không gian và thời gian.**
210. Mọi liên hệ có những tính chất gì cơ bản?
- a. **Khách quan, phổ biến, đa dạng (phong phú, riêng biệt)**
- b. Khách quan, phổ biến, biện chứng.
- c. Khách quan, phổ biến, liên tục.
- d. Khách quan, biện chứng, đa dạng.
211. Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng tồn tại biệt lập, tách rời nhau, cái này tồn tại bên cạnh cái kia?
- a. **Quan điểm siêu hình.**
- b. Quan điểm biện chứng.
- c. Quan điểm duy tâm.
- d. Các quan điểm duy lý.
212. Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hoá lẫn nhau?
- a. Quan điểm siêu hình.
- b. Quan điểm biện chứng.**
- c. Quan điểm duy tâm.
- d. Quan điểm duy thực.
213. Tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng. Đây là quan điểm của?
- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
214. Quan điểm nào cho rằng sự phát triển chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về mặt lượng, không có sự thay đổi về chất?
- a. **Quan điểm siêu hình.**
- b. Quan điểm biện chứng.
- c. Quan điểm duy tâm.
- d. Quan điểm duy ngã.
215. Phát triển là quá trình?
- a. Tiến lên theo đường vòng khép kín.
- b. Tiến lên theo đường quanh co, phức tạp, hình xoáy ốc đi lên.**
- c. Quá trình tiến lên theo đường thẳng tắp.
- d. Các câu trên đều sai.
216. Sự vật mới ra đời bao giờ cũng trên cơ sở những cái đã có của sự vật cũ, qua đó tiến hành chọn lọc những cái tích cực, tiên bộ, phù hợp để tiếp tục phát triển. Điều này thể hiện tính chất gì của sự phát triển?
- a. Tính khách quan.
- b. Tính phổ biến.
- c. Tính đa dạng, phong phú.
- d. Tính kế thừa.**
217. Quan điểm nào góp phần khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn?
- a. Quan điểm lịch sử cụ thể.
- b. Quan điểm toàn diện.
- c. Quan điểm phát triển.**
- d. Quan điểm duy vật.
218. Quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể và quan điểm phát triển được rút ra từ?
- a. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

- b. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.**
- c. Mọi quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn.
- d. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.
219. Giữa phạm trù triết học của phép biện chứng duy vật và phạm trù của các nhà khoa học cụ thể có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mối quan hệ đó là.
- a. Quan hệ giữa bản chất và hiện tượng.
- b. Quan hệ giữa cái chung và cái riêng.**
- c. Quan hệ giữa nội dung và hình thức.
- d. Quan hệ giữa sự vật và hiện tượng.
220. Chọn quan điểm đúng sau đây?
- a. Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng.**
- b. Cái riêng chỉ tồn tại trong cái chung.
- c. Cái chung và cái riêng đều tồn tại trong nhau.
- d. Cái chung và cái riêng đều tồn tại độc lập với nhau.
221. Cái tất nhiên là cái do?
- a. Những nguyên nhân bên trong sự vật quy định.**
- b. Những nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.
- c. Cái tất nhiên là cái ngẫu nhiên.
- d. Cả nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.
222. Phạm trù triết học nào dùng để chỉ tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật?
- a. Bản chất.
- b. Nội dung.**
- c. Hiện thực.
- d. Mục đích.
223. Khả năng được hình thành do quy luật vận động nội tại của sự vật quy định thì được gọi là?
- a. Khả năng thực tế.
- b. Khả năng tất nhiên.**
- c. Khả năng ngẫu nhiên.
- d. Khả năng nội tại.
224. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật được gọi là?
- a. Nội dung.
- b. Bản chất.**
- c. Hình thức bên trong.
- d. Hiện tượng.
225. Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa nội dung và cũng không có nội dung nào lại không tồn tại trong những hình thức xác định. Quan điểm này thể hiện?
- a. Vai trò quyết định của nội dung đối với hình thức.
- b. Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung.
- c. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức.**
- d. Sự độc lập giữa nội dung và hình thức.
226. Các mối liên hệ mang tính khách quan, bản chất, tất nhiên và được lặp đi lặp lại được khái quát bằng phạm trù gì?
- a. Thuộc tính.
- b. Quy luật.**
- c. Yếu tố.
- d. Mối liên hệ.
227. Quy luật được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật là?
- a. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.**
- b. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại.
- c. Quy luật phủ định của phủ định.

- d. Quy luật tự nhiên.
228. **Cách thức của sự phát triển là?**
- Đấu tranh của các mặt đối lập để giải quyết mâu thuẫn.
 - Sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.**
 - Quá trình phủ định cái cũ và sự ra đời của cái mới.
 - các câu trên đều sai.
229. **Thống nhất của hai mặt đối lập là?**
- Sự bài trừ, gạt bỏ lẫn nhau giữa hai mặt đối lập.
 - Sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề cho sự tồn tại của mình và ngược lại.**
 - Hai mặt đối lập có tính chất, đặc điểm, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau.
 - Quá trình cái mới ra đời thay thế cái cũ.
230. **Đấu tranh của hai mặt đối lập là?**
- Sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau.
 - Sự hỗ trợ và nương tựa lẫn nhau.
 - Sự gắn bó lẫn nhau giữa hai mặt đối lập biện chứng.
 - Sự tác động lẫn nhau giữa hai mặt đối lập biện chứng.**
231. **Phủ định biện chứng là?**
- Sự phủ định tự thân, gắn liền với quá trình vận động đi lên, tạo tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của cái mới tiến bộ thay thế cái cũ.**
 - Sự oanh tạc có sự tác động của sự vật khác.
 - các phương án trên đều sai.
 - Phủ định sạch trơn.
232. **Mặt đối lập là?**
- Những mặt, yếu tố, thuộc tính, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau, cấu tạo nên sự vật.**
 - Những mặt khác nhau.
 - Những mặt đối trọi nhau bất kỳ, như trắng với đen, cao với thấp. V.V....
 - Những mặt vừa giống nhau, vừa khác nhau.
233. **Quan điểm ủng hộ cái mới tiến bộ, chống lại cái cũ, cái lỗi thời kìm hãm sự phát triển là quan điểm được rút ra trực tiếp từ?**
- Quy luật thống nhất và quy luật đấu tranh của các mặt đối lập.
 - Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại.
 - Quy luật phủ định của phủ định.**
 - Quy luật xã hội.
234. **Tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn phản ánh trực tiếp việc?**
- Không vận dụng đúng quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
 - Không vận dụng đúng quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại.**
 - Không vận dụng quy luật phủ định của phủ định.
 - Không vận dụng đúng quy luật tự nhiên.
235. **Phạm trù triết học nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng, sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính làm cho nó là nó mà không phải là cái khác?**
- Chất.**
 - Lượng.
 - Độ.
 - Bước nhảy.
236. **Thực tiễn là?**
- Hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người.**
 - Hoạt động tinh thần nhằm tạo ra các giá trị thẩm mỹ.
 - Một số hoạt động vật chất và một số hoạt động tinh thần.
 - Hoạt động kinh tế.

237. **Hình thức cơ bản nhất của thực tiễn là?**
- Hoạt động chính trị - xã hội.
 - Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất.
 - Thực nghiệm khoa học.
 - Các phương án trên đều đúng.**
238. **Hình thức cao nhất của nhận thức cảm tính là?**
- Tri giác.
 - Biểu tượng.**
 - Cảm giác.
 - Khái niệm.
239. **Hình thức cao nhất của nhận thức lý tính là?**
- Phán đoán.
 - Suy lý.**
 - Khái niệm.
 - biểu tượng.
240. **cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức là?**
- Hoạt động lý luận.
 - Thực tiễn.**
 - Hoạt động văn hoá nghệ thuật.
 - Kinh tế.
241. **Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc được rút ra trực tiếp từ?**
- Lý luận về nhận thức.**
 - Mối quan hệ giữa nhận thức và ý thức.
 - Mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực.
 - Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức.
242. **Giai đoạn mà con người sử dụng các giác quan để tác động trực tiếp vào các sự vật nhằm nắm bắt các sự vật ấy được gọi là?**
- Nhận thức thông thường.
 - Nhận thức lý tính.
 - Nhận thức cảm tính.**
 - Nhận thức gián tiếp.
243. **Chân lý là?**
- Những ý kiến thuộc về số đông.
 - Những lý luận có lợi cho con người.
 - Sự phù hợp giữa trí thức với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm.**
 - ý kiến của người có uy tín.
244. **Chân lý có những tính chất gì?**
- Tính khách quan, tính tương đối, tính hoàn chỉnh.
 - Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính cụ thể.**
 - Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính phổ biến.
 - Tính đa dạng, phong phú.
245. **Phương thức sản xuất gồm?**
- Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.**
 - Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng.
 - lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.
 - Lực lượng sản xuất, cơ sở hạ tầng, quan hệ sản xuất.
246. **Ngày nay, yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là?**
- Công cụ lao động.
 - Người lao động.**
 - Khoa học – công nghệ.
 - tư liệu lao động.

247. Động lực chủ yếu của sự tiến bộ xã hội là?
- Sự phát triển của lực lượng sản xuất.**
 - Sự phát triển của hoạt động nghiên.
 - Sự phát triển của các quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế.
 - Không có phương án nào đúng.
248. Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, nó là quan hệ ?
- Tồn tại chủ quan, bị quy định bởi chế độ kinh tế.
 - Tồn tại chủ quan, bị quy định bởi chế độ chính trị xã hội.
 - Tồn tại chủ quan, bị quy định bởi chế độ văn hoá.
 - Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người.**
249. Quan hệ giữ vai trò quyết định đối với những quan hệ khác trong quan hệ giữa người với người của quá trình sản xuất là?
- Quan hệ phân phối sản phẩm lao động.
 - Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất.**
 - Quan hệ tổ chức, quản lý và phân công lao động.
 - Quan hệ cạnh tranh.
250. Cơ sở hạ tầng của một hình thái kinh tế - xã hội là?
- Toàn bộ những quan hệ sản xuất tạo thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.**
 - Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất tạo thành cơ sở vật chất – kỹ thuật của xã hội.
 - Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất và những con người sử dụng nó để tiến hành các hoạt động xã hội.
 - Toàn bộ những vấn đề về chính trị.
251. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là?
- Quá trình lịch sử tự nhiên.**
 - Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của giai cấp cầm quyền.
 - Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của Đảng cầm quyền.
 - Quá trình sản xuất hàng hoá.
252. Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời của giai cấp thuộc?
- Lĩnh vực chính trị.
 - Lĩnh vực kinh tế.**
 - Lĩnh vực tôn giáo.
 - Lĩnh vực văn hoá.
253. Tồn tại xã hội bao gồm những nhân tố nào?
- Điều kiện tự nhiên.
 - Dân số.
 - Phương thức sản xuất.
 - Cả a, b và c.**
254. Yếu tố nào có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của tồn tại xã hội?
- Điều kiện tự nhiên.
 - Phương thức sản xuất.**
 - Dân số.
 - Tất cả đều sai.
255. Chọn **quan điểm đúng nhất** trong các quan điểm sau đây?
- Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội.
 - Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội.
 - Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội giai cấp.**
 - Đấu tranh giai cấp là vấn đề của nhà nước.
256. Đấu tranh giai cấp nhằm?
- Giải quyết xung đột về mặt lợi ích giai cấp.**

- b. Bảo vệ lợi ích chung cho tất cả các thành viên trong xã hội.
 - c. Phát triển xã hội.
 - d. Hoà giải mâu thuẫn giữa các tầng lớp dân cư.
257. Trong xã hội có giai cấp, ý thức của giai cấp có nội dung và hình thức phát triển khác nhau là do?
- a. **Những điều kiện sinh hoạt vật chất, lợi ích và địa vị của các giai cấp khác nhau qui định.**
 - b. Thói quen khác nhau.
 - c. Sở thích khác nhau.
 - d. Văn hoá khác nhau.
258. Bản chất của con người được quyết định bởi?
- a. Nỗ lực của mỗi cá nhân.
 - b. Nền giáo dục của mỗi gia đình.
 - c. **Các quan hệ xã hội.**
 - d. Đời sống kinh tế.
259. Điểm chủ yếu nhất để phân biệt con người với con vật?
- a. **Bằng ý thức.**
 - b. Bằng tôn giáo.
 - c. Bằng sản xuất.
 - d. Bằng của cải vật chất.
260. Nền tảng của mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội?
- a. Quan hệ pháp luật.
 - b. Quan hệ đạo đức.
 - c. **Quan hệ lợi ích.**
 - d. Quan hệ huyết thống.
261. Cấu trúc cơ bản của một hình thái kinh tế - xã hội là?
- a. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
 - b. Cơ sở kinh tế và thể chế nhà nước.
 - c. **Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.**
 - d. Cả a, b và c.
262. Chủ nghĩa Mác – Lênin quan niệm về con người như thế nào?
- a. Là thực thể tự nhiên.
 - b. Là thực thể xã hội.
 - c. Là chủ thể cải tạo hoàn cảnh.
 - d. **Cả a, b và c.**
263. Yếu tố nào có tác động trực tiếp để phát huy nguồn lực con người ?
- a. **Phát triển kinh tế - xã hội.**
 - b. Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin.
 - c. Giáo dục về đạo đức, lối sống.
 - d. Giải quyết việc làm.
264. Điền từ vào ô trống “ Lực lượng sản xuất hàng đầu của nhân loại là, là người lao động”
- a. Khoa học kỹ thuật.
 - b. Nền đại công nghiệp.
 - c. **Công nhân.**
 - d. Trí thức.
265. Nhận thức lý tính được thực hiện thông qua những hình thức cơ bản nào?
- a. **Cảm giác – Tri giác – Biểu tượng.**
 - b. Cảm giác – Phán đoán – Tri giác.
 - c. Khái niệm – Phán đoán – Suy lý.
 - d. Khái niệm – Suy lý – Tri giác.
266. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất, đây là quan điểm nào?
- a. Duy vật.

- b. **Duy tâm.**
 c. Nhị nguyên.
 d. Biện chứng.
267. Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, triết học là?
 a. Công cụ của thuần học.
 b. Khoa học về các sự vật đơn lẻ.
 c. Khoa học của các khoa học.
 d. **Các quan điểm trên đều sai.**
268. Thuộc tính đặc trưng của vật chất theo quan niệm triết học Mác – Lênin là gì?
 a. Là một phạm trù triết học.
 b. Là tồn tại.
 c. Là tất cả những gì bên ngoài con người.
 d. **Là thực tại khách quan tồn tại bên ngoài, không lệ thuộc vào cảm giác.**
269. Chủ nghĩa duy tâm có mấy loại?
 a. **2.**
 b. 4.
 c. 3.
 d. 5.
270. Theo ăngghen, phương thức tồn tại của vật chất là gì?
 a. **Vận động.**
 b. Phát triển.
 c. Phủ định.
 d. Chuyển hoá từ dạng này sang dạng khác.
271. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đứng im là?
 a. Không biến đổi.
 b. **Biểu hiện của trạng thái vận động trong thăng bằng.**
 c. Không vận động.
 d. Cả a, b và c đều sai.
272. Nhà triết học nào cho rằng thế giới thống nhất ở “ý niệm tuyệt đối”?
 a. **Hêghen.**
 b. Mác.
 c. Cantơ.
 d. Đuyrinh.
273. Theo quan niệm triết học Mác – Lênin, tính thống nhất của thế giới là gì?
 a. Tính hiện thực.
 b. **Tính vật chất.**
 c. Tính tồn tại.
 d. Tính khách quan.
274. Theo quan niệm duy vật biện chứng, ý thức tác động trở lại vật chất thông qua?
 a. Sự phê phán.
 b. **Hoạt động thực tiễn.**
 c. Hiện thực.
 d. Hoàn cảnh.
275. Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là gì?
 a. Nguyên lý về sự phát triển.
 b. **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.**
 c. Quy luật về sự đấu tranh của các mặt đối lập.
 d. Quy luật phủ định của phủ định.
276. Nguyên lý về sự phát triển cho ta quan điểm gì trong hoạt động nhận thức và thực tiễn?
 a. Lịch sử cụ thể.
 b. **Phát triển.**

- c. Toàn diện.
d. Khách quan.
277. **Phép biện chứng duy vật bao gồm mấy quy luật cơ bản?**
a. 2.
b. 4.
c. 3.
d. 5.
278. **Quy luật nào vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển?**
a. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
b. Quy luật từ những thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.
c. Quy luật phủ định của phủ định.
d. Quy luật về mối qua hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.
279. **Quy luật nào vạch ra cách thức vận động, phát triển của sự vật?**
a. Quy luật từ những thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.
b. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
c. Quy luật phủ định của phủ định.
d. Quy luật về sự phù hợp của qua hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
280. **Tổng hợp nhưng thuộc tính khách quan vốn có của sự vật, nói lên sự vật là cái gì, phân biệt nó với cái khác. Đó là khái niệm nào?**
a. Lượng.
b. chất.
c. Độ.
d. Điểm nút.
281. **Khái niệm nào nói lên con số các thuộc tính cấu thành của sự vật?**
a. Chất.
b. Bước nhảy.
c. Lượng.
d. Điểm nút.
282. **Sự thống nhất giữa chất và lượng được thể hiện trong phạm trù nào?**
a. Phạm trù độ.
b. Phạm trù lượng.
c. Phạm trù điểm nút.
d. Phạm trù bước nhảy.
283. **Những điểm giới hạn mà tại đó sự thay đổi về lượng sẽ làm thay đổi về chất của sự vật được gọi là gì?**
a. Bước nhảy.
b. Bước nhảy toàn bộ.
c. Điểm nút.
d. Bước nhảy dần dần.
284. **Phạm trù triết học nào dùng để chỉ giai đoạn chuyển hoá về chất của sự vật do những thay đổi về lượng trước đó gây ra?**
a. Độ.
b. Điểm nút.
c. Chất.
d. Bước nhảy.
285. **Khuynh hướng nôn nóng, vội vàng, thường không chú ý tích lũy đủ lượng đã muốn thực hiện bước nhảy thể hiện tư tưởng gì?**
a. Hữu khuynh.
b. Thoả hiệp.
c. Tả khuynh.

- d. Dung hoà.
286. Quy luật nào vạch ra khuynh hướng của sự vận động, phát triển?
- Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
 - Quy luật từ những thay đổi từ từ về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.
 - Quy luật phủ định của phủ định.**
 - Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
287. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về sự phát triển?
- Là sự phủ định siêu hình.
 - Là sự phủ định biện chứng.
 - Là mọi sự biến đổi nói chung.**
 - Là mọi sự phủ định.
288. Từ một điểm xuất phát trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm ban đầu, nhưng trên cơ sở cao hơn, điều đó muốn nói lên điều gì?
- Tính chu kỳ của sự phủ định.**
 - Sự phủ định.
 - Khuynh hướng của sự phát triển.
 - Sự kế thừa.
289. Quy luật phủ định của phủ định vạch ra khuynh hướng của sự phát triển của sự vật như thế nào?
- Theo đường thẳng.
 - Theo vòng tròn.
 - Theo đường xoáy ốc.**
 - Theo đường bằng phẳng.
290. Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin muốn thay đổi một chế độ xã hội thì?
- Thay đổi lực lượng sản xuất.
 - Tạo ra nhiều của cải.
 - Thay đổi phương thức sản xuất.**
 - Các phương án trên đều sai.
291. Lựa chọn phương án đúng. Kiến trúc thượng tầng là?
- Toàn bộ những quan điểm tư tưởng và những thiết chế tương ứng.**
 - Toàn bộ những quan điểm chính trị, xã hội, pháp luật, đạo đức, tôn giáo.
 - Toàn bộ những thiết chế tương ứng: nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng.
 - Không có quan điểm nào hoàn thiện.
292. Vì sao ý thức xã hội có sức mạnh cải tạo tồn tại xã hội?
- Vì ý thức xã hội chỉ huy mọi hoạt động của xã hội.
 - Ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội một cách sinh động thông qua hoạt động thực tiễn của con người.**
 - Ý thức xã hội thể hiện hiệu quả tích cực năng động qua các hoạt động của con người.
 - Ý thức khoa học phát triển mạnh, giữ vai trò lực lượng sản xuất trực tiếp trong nhiều ngành kinh tế.
293. Ba loại hoạt động thực tiễn cơ bản của con người là?
- Hoạt động sản xuất vật chất, chính trị xã hội, thực nghiệm khoa học.**
 - Hoạt động sản xuất xã hội, chính trị xã hội, thực nghiệm khoa học.
 - Hoạt động sản xuất tinh thần, chính trị xã hội, thực nghiệm khoa học.
 - Cả a, b và c đều sai.
295. Quy luật mâu thuẫn:
- Giải thích cách thức phát triển của sự vật
 - Giải thích sự thống nhất và đấu tranh của các sự vật

c. Giải thích sự mâu thuẫn

d. Giải thích nguồn gốc của sự phát triển

296. Quy luật lượng chất:

a. Giải thích mối quan hệ biện chứng giữa hai mặt lượng và chất của sự vật và cách thức biến đổi của sự vật

b. Giải thích khuynh hướng phát triển của sự vật

c. Giải thích sự thống nhất và đấu tranh của các sự vật

d. Cả a,b,c đều sai

297. Hiểu thế nào cho đúng về phạm trù vận động?

a. Là sự biến đổi nói chung của mọi sự vật, quá trình

b. Là phương thức tồn tại của vật chất

c. Là thuộc tính cố hữu của vật chất

d. Cả a,b,c đều đúng

298. Chọn câu trả lời đúng: Theo quan điểm của triết học Mác, ý thức là:

a. Hình ảnh của thế giới khách quan.

b. Hình ảnh phản ánh sự vận động và phát triển của thế giới khách quan.

c. Là một phần chức năng của bộ óc con người

d. Là sự phản ánh sáng tạo lại hiện thức khách quan

299. Lựa chọn đúng theo quan điểm của CNDVBC:

a. Nguồn gốc của vận động là ở bên ngoài sự vật, hiện tượng do sự tương tác hay do sự tác động

b. Nguồn gốc của sự vận động là do ý thức, tinh thần, tư tưởng quyết định

c. Nguồn gốc của sự vận động là trong bản thân sự vật hiện tượng do sự tác động của các mặt, các yếu tố trong sự vật hiện tượng gây ra

d. Nguồn gốc của vận động là do cái hích đầu tiên của “ý niệm tuyệt đối”

300. Lựa chọn đáp án đúng: Quy luật phủ định của phủ định làm rõ vấn đề gì?

a. Nguồn gốc của sự phát triển

b. Khuynh hướng của sự vận động, phát triển

c. Cách thức của sự phát triển

d. Động lực của sự phát triển

301. Trong các hình thức sau hình thức nào là cơ bản nhất của hoạt động thực tiễn

a. Hoạt động sản xuất vật chất

b. Hoạt động tinh thần

- c. Hoạt động chính trị xã hội
 - d. Thực nghiệm khoa học
302. Trong lực lượng sản xuất, yếu tố nào giữ vị trí quan trọng nhất
- a. **Con người**
 - b. Công cụ lao động
 - c. Phương tiện lao động
 - d. Các yếu tố trên có đều có vị trí quan trọng như nhau
303. Hình thức cao nhất của đấu tranh giai cấp là
- a. **Đấu tranh chính trị**
 - b. Đấu tranh kinh tế
 - c. Đấu tranh văn hóa – tư tưởng
 - d. Đấu tranh cách mạng
304. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng bản chất của quá trình nhận thức là:
- a. **Sự phản ánh thế giới khách quan một cách năng động của ý thức chủ thể (người).**
 - b. Là quá trình đi từ trực quan tri giác đến sinh động đến tư duy trừu tượng
 - c. Những kinh nghiệm và lí luận được tổng kết từ mọi hoạt động của con người.
 - d. Cả a,b,c đều đúng
305. Trong lực lượng sản xuất, yếu tố nào có tính chất đồng nhất?
- a. Đối tượng lao động
 - b. Tư liệu lao động
 - c. Công cụ lao động
 - d. **Phương tiện lao động**
306. Quan hệ nào giữ vai trò quyết định bản chất của các quan hệ sản xuất?
- a. **Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất**
 - b. Quan hệ trong tổ chức, quản lý, phân công lao động
 - c. Quan hệ trong phân phối sản phẩm lao động
 - d. Cả a,b,c đều sai
307. Mặt xã hội của phương thức sản xuất là gì?
- a. Lực lượng sản xuất
 - b. **Quan hệ sản xuất**
 - c. Cơ sở hạ tầng

d. Kiến trúc thượng tầng

308. Chính trị, pháp quyền, đạo đức là những yếu tố thuộc phạm trù nào sau đây?

a. Cơ sở hạ tầng

b. Quan hệ sản xuất

c. Kiến trúc thượng tầng

d. Lực lượng sản xuất

309. Giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, yếu tố nào giữ vai trò quyết định?

a. Cơ sở hạ tầng

b. Kiến trúc thượng tầng

c. Không có cái nào quyết định

d. Tác động lẫn nhau

310. Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định sự vận động, phát triển của xã hội?

a. Quy luật đấu tranh giai cấp

b. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

c. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

d. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội.